

Ý NGHĨA CỦA NGHIÊN CỨU KHOA HỌC ĐỐI VỚI SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC

LƯƠNG THỊ TÂM UYÊN*

Ngày nhận bài: 08/12/2016; ngày sửa chữa: 16/12/2016; ngày duyệt đăng: 16/12/2016.

Abstract: Scientific research of students in universities plays an important role in promoting creativeness, training the positive thinking for students and improving quality of human resources for our country. Moreover, this activity helps students gain knowledge themselves and develop competence of scientific research and especially train solving-problem skills. Therefore, enhancing quality of scientific research is required for universities in current period.

Keywords: Scientific research, role, student, university.

H iện nay, trường đại học (ĐH) hiện đại đã và đang phát triển với tư cách là một trung tâm đào tạo (ĐT) nhân lực trình độ cao và nghiên cứu (NC) phát triển khoa học và công nghệ. Phát huy vai trò và vị thế hàng đầu của các trường ĐH trong hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) là định hướng chiến lược phát triển giáo dục ĐH Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế. Giáo dục ĐH khác với các bậc học khác. Giáo dục ĐH không chỉ có chức năng chuyển tải những kinh nghiệm lịch sử xã hội của thế hệ trước cho thế hệ sau, mà quan trọng hơn là trang bị cho mỗi người phương pháp NC, tìm cách phát triển năng lực nội sinh, thích ứng được với một xã hội học tập thường xuyên, học tập suốt đời. Vì vậy, muốn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phải nâng cao chất lượng ĐT cán bộ có trình độ ĐH.

Giáo dục bậc ĐH cần phải ĐT ra những người lao động thích ứng được với yêu cầu mới của thời đại, có tri thức khoa học công nghệ tiên tiến, có kiến thức chuyên môn sâu, có những phẩm chất của người chuyên gia như: khả năng NC, tư duy sáng tạo, nhạy bén đối với những vấn đề trong xã hội; đồng thời có kĩ năng thực hành và khả năng ứng dụng kiến thức vào thực tiễn.

Đảng, Nhà nước ta luôn kì vọng các trường ĐH, cao đẳng phải là các trung tâm NCKH, công nghệ, chuyển giao và ứng dụng công nghệ vào sản xuất và thực tiễn cuộc sống. ĐT theo hướng tiếp cận năng lực chủ trương giúp người học không chỉ học thuộc, ghi nhớ mà còn phải biết làm thông qua các hoạt động cụ thể, sử dụng những tri thức tiếp thu được để giải quyết các tình huống do cuộc sống đặt ra. *Điều lệ trường ĐH* (năm 2014) đã chỉ rõ: Trường ĐH có nhiệm vụ “Tổ chức các hoạt động

ĐT, khoa học và công nghệ; chuyển giao kết quả NCKH và phát triển công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, đời sống” [1]. **Luật Giáo dục ĐH** năm 2012 cũng quy định: “Hình thành và phát triển năng lực NCKH cho người học; phát hiện và bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu đào tạo nhân lực trình độ cao” [2].

Thực tế hiện nay cho thấy, ở các trường ĐH, hoạt động NCKH chưa phát huy sức mạnh. Nguồn kinh phí cấp cho sinh viên (SV) NCKH không có (hoặc nếu có thì rất ít), tài liệu phục vụ cho NCKH hết sức hạn hẹp... đã làm mất đi sự say mê NCKH của SV. Hoạt động NCKH ở một số nơi còn mang tính hình thức, kết quả các đề tài NCKH có giá trị thực tiễn không cao, nhiều đề tài sau khi được đánh giá thì bị chính các tác giả bỏ quên. Hầu hết các đơn vị cấp phòng, khoa chưa có bộ phận quản lí khoa học riêng, việc tổ chức quản lí hoạt động NCKH không bảo đảm được tính khoa học của nó.

Bản chất của NCKH là tự NC. Vì thế, có những NCKH của SV còn nặng tính chất tự phát. Do đó, cần tổ chức hoạt động NCKH cho SV để các em có định hướng trong NC, có phương pháp NCKH; xác định rõ quan điểm, hướng NC, lựa chọn đề tài NC phù hợp với ngành, nghề ĐT và năng lực của SV. SV NCKH có cơ hội tiếp cận với thực tiễn; áp dụng kiến thức, lí thuyết học tập trong nhà trường để thực hiện đề tài, vận dụng linh hoạt kiến thức học tập được trong mọi nơi, mọi lúc một cách sáng tạo; có khả năng chuyên sâu một nghề nhưng cũng có khả năng chuyển đổi ngành nghề khi xã hội yêu cầu và thích ứng nhanh với ngành nghề mới.

*Trường Đại học Nội vụ Hà Nội

1. NCKH giúp SV sớm hình thành khả năng quan sát, nhạy cảm, thực tế, nảy sinh ý tưởng khoa học mới

Đối với SV các trường ĐH nói chung, muốn thực hiện NCKH cần phải nỗ lực tìm kiếm ý tưởng khoa học và tìm mọi cách để chinh phục, chứng minh luận điểm khoa học và những tính mới của khoa học. Theo Vũ Cao Đàm: “NCKH là sự phát hiện bản chất sự vật, phát triển nhận thức khoa học về thế giới; hoặc là sáng tạo phương pháp mới và phương tiện kĩ thuật mới để làm biến đổi sự vật phục vụ cho mục tiêu hoạt động của con người” [3; tr 35]. Khi NCKH, SV sẽ luôn phải hướng tới việc đi tìm các đặc điểm mới để NC tạo ra sản phẩm có giá trị, có ý nghĩa nhất định (có thể là một đề tài khoa học, một bài báo, tác phẩm khoa học, cũng có thể là một mẫu vật, sản phẩm mới). Sản phẩm đó luôn mang đặc trưng thông tin về quy luật vận động của sự vật, hiện tượng, về quy trình công nghệ và các tham số đi kèm.

Thực tiễn cho thấy, NCKH giúp cho SV cập nhật tri thức, nâng cao sự hiểu biết và khả năng nhận thức; sớm đạt chuẩn về trí tuệ và tự đổi mới về phương pháp học tập. Tổ chức NCKH giúp cho SV nâng cao được trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, làm phong phú nội dung học tập, góp phần làm cho những nội dung đó mang tính thực tiễn cao, đáp ứng nhu cầu của người học và của xã hội về chất lượng nhân lực. Hoạt động giảng dạy và học tập là nơi mà những thành quả của NCKH được đưa vào áp dụng và kiểm định, là nguồn nảy sinh các vấn đề cần NC mới.

Nâng cao chất lượng NCKH cho SV đáp ứng được yêu cầu giáo dục, nhiệm vụ giáo dục. Giáo dục cần phải ĐT ra những người lao động thích ứng được với yêu cầu mới của thời đại, có tri thức khoa học công nghệ tiên tiến, có kiến thức chuyên môn sâu, có những phẩm chất của người chuyên gia như khả năng NC, tư duy sáng tạo, nhạy bén đối với những vấn đề trong xã hội, đồng thời có kĩ năng thực hành và khả năng ứng dụng kiến thức vào thực tiễn.

2. NCKH giúp SV sớm hình thành tác phong làm việc khoa học, tiếp cận phương pháp biện chứng logic

Định hướng NCKH cho SV là xác định cho họ những yêu cầu cơ bản của người NCKH, đó là: 1) NCKH phải mang tính khách quan - đây là đặc điểm và cũng là tiêu chuẩn của người NCKH. Nếu trong NCKH mà không khách quan thì sản phẩm NCKH sẽ không thể chính xác và không có giá trị thực tiễn; 2) Kết quả NCKH phải được tin cậy, tức là có khả năng kiểm chứng bởi bất kì người nào, trong

trường hợp, với các điều kiện giống nhau đều cho một kết quả tương tự; 3) NCKH nhiều khi mang tính rủi ro, vì đó là quá trình đi tìm ra cái mới; NCKH có thể thành công hoặc thất bại, thành công sớm hoặc thành công rất muộn. Vì vậy, tính rủi ro của NCKH là rất cao; 4) NCKH còn mang tính kế thừa, đây là ý nghĩa quan trọng về mặt phương pháp NCKH. Hầu hết các phương hướng NC đều xuất phát và kế thừa từ các kết quả đã đạt được trước đó; 5) NCKH còn mang đặc điểm cá nhân, dù có thể do một nhóm người cùng thực hiện, nhưng thì vai trò cá nhân trong sáng tạo cũng mang tính quyết định; 6) Ngoài ra, còn phải tính đến kinh phí NCKH, đây là yếu tố rất khó định lượng được một cách chính xác như trong lao động sản xuất, thậm chí không thể định mức nổi. Hiệu quả kinh tế của NCKH có thể không tính được và lợi nhuận không dễ xác định.

NCKH là loại lao động trí tuệ cao cấp, có những chuẩn mực chặt chẽ, đòi hỏi kiến thức sâu rộng, phẩm chất trung thực, khách quan và năng lực sáng tạo. Bởi thế, NCKH là biện pháp chủ yếu bồi dưỡng SV, cải tiến phương pháp học tập và nâng cao chất lượng giảng dạy. Hoạt động này có ý nghĩa quan trọng cho công tác chuyên môn sau khi ra trường làm việc theo ngành nghề ĐT.

3. NCKH tạo cho SV tự học, tự NC, hình thành tư duy của người làm khoa học

Hoạt động học tập của SV cũng giống với nhà khoa học là sự NC, tìm tòi, khám phá. Nhưng nhà khoa học phải làm việc độc lập trên con đường tìm kiếm tri thức, còn bản chất của hoạt động học của SV là quá trình nhận thức dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

NCKH giúp SV sớm tiếp cận với thực tiễn xã hội, hiểu biết về nghề, hình thành và bồi dưỡng tình cảm nghề nghiệp. Điều đó đặt ra cho các trường ĐH là cần có vai trò và nhiệm vụ ĐT ra đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao, có khả năng hoạt động sáng tạo, có phương pháp NCKH độc lập để tiếp tục đi sâu vào chuyên môn của mình, nâng cao tầm hiểu biết, bắt kịp với sự tiến bộ của thời đại. Môi trường xã hội nói chung, tập thể, nhóm xã hội nói riêng vừa là phương tiện, vừa là điều kiện cho sự hình thành và phát triển nhân cách của cá nhân SV. Khi SV được tham gia sinh hoạt, học tập trong nhiều nhóm xã hội tích cực khác nhau thì tốc độ của quá trình xã hội hóa cá nhân sẽ diễn ra nhanh chóng hơn. Học tập theo hình thức này là hình thức hợp tác để tìm hiểu kiến thức nhanh hơn, ghi nhớ tốt hơn.

Giúp SV phương pháp NCKH là tạo cho họ khả năng phát hiện những mâu thuẫn, những khó khăn,

những cản trở trong thực tiễn, từ đó lựa chọn những vấn đề nổi cộm, cấp thiết làm đề tài NC; trên cơ sở phân tích sâu sắc những vấn đề của thực tiễn, tìm được bản chất của sự vật, hiện tượng; từ những thông tin ở thực tiễn giúp họ minh họa, chứng minh cho những nguyên lí, lí thuyết và khái quát để tạo thành những quy luật hoặc là hình thành những nguyên lí mới.

4. NCKH giúp SV vận dụng lí luận vào thực tiễn, phương pháp lí luận từ sách vở, vốn sống trải nghiệm để làm khoa học

NCKH phải luôn bám sát thực tiễn, sao cho lí luận và thực tiễn phải luôn gắn bó với nhau. Tổ chức thực nghiệm những lí thuyết khoa học đặt ra để kiểm nghiệm lí thuyết, từ đó ứng dụng vào thực tiễn một cách có hiệu quả.

Yêu cầu của NCKH là phải gắn lí luận vào thực tiễn. Lí luận bao giờ cũng xuất phát từ thực tiễn, phản ánh thực tiễn. Nhưng thực tiễn không bao giờ bất biến. Vì thế, nhiều khi thực tiễn đã thay đổi nhưng lí luận chưa theo kịp thì thực tiễn có thể phủ định những lí luận không phù hợp...

NCKH là hoạt động phức tạp, đòi hỏi SV phải có kĩ năng NC, đó là điều kiện quan trọng để thực hiện thành công các công trình khoa học. Kĩ năng NCKH là khả năng thực hiện thành công một đề tài khoa học trên cơ sở nắm vững lí thuyết khoa học.

NCKH đòi hỏi sự uyên bác về kiến thức, một tư duy sắc bén, một quan điểm đúng, một hệ phương pháp phù hợp và khả năng thành thạo trong việc sử dụng các phương tiện kĩ thuật. Tương ứng với chúng là một hệ thống các kĩ năng NC. Điều này yêu cầu SV phải luôn có ý thức tự học hỏi, tự rèn luyện, cập nhật tri thức, trau dồi các kĩ năng NC. Chỉ có gắn liền học tập với NC thì mới tìm ra được những kiến thức mới, những phương pháp và ứng dụng mới để bổ sung, nâng cao chất lượng dạy - học của cả thầy và trò. Mặt khác, chỉ có gắn liền với NC thì ĐT mới cập nhật những kiến thức mới nhất, hiện đại nhất, phù hợp nhất để đưa vào nội dung, chương trình ĐT, tránh cho ĐT không bị lạc hậu so với môi trường xã hội bên ngoài, với các trường ĐH trong và ngoài nước.

NCKH phải gắn liền với ĐT vì: 1) Khi triển khai NCKH sẽ tận dụng được tiềm năng chất xám của đội ngũ SV có trình độ, có kinh nghiệm, cũng như đội ngũ SV đầy sức trẻ luôn có những ý tưởng táo bạo và độc đáo; 2) NCKH gắn liền với ĐT là con đường gần nhất, nhanh nhất để tạo được một đội ngũ cán bộ NC có trình độ, kinh nghiệm cao; 3) NCKH gắn liền với ĐT giúp các kết quả của NCKH được phổ biến một cách nhanh nhất.

5. Qua NCKH, SV hình thành ý thức làm việc theo nhóm, hình thành kĩ năng hợp tác trong quan hệ đồng nghiệp

Đề tài NCKH của SV trong nhà trường thường được tổ chức thực hiện theo tổ, nhóm phù hợp với nội dung, yêu cầu, phạm vi NC để đáp ứng mục tiêu ĐT đặt ra. Điều đó đòi hỏi phải có sự hợp tác, thống nhất và có hiệu quả giữa các thành viên trong nhóm trong suốt quá trình thực hiện. Trong từng nhóm, chủ nhiệm đề tài là trưởng nhóm có vai trò rất quan trọng trong việc quyết định kết quả NC, sử dụng kết quả làm việc của mỗi thành viên thành tinh hoa của đề tài, quyết định giá trị sản phẩm của cả nhóm.

Mỗi thành viên ngoài việc phải có trách nhiệm hoàn thành nội dung mình được phân công phối hợp thực hiện những vấn đề liên quan đến các nội dung cần NC của từng thành viên khác trong nhóm. Mặt khác, trong lĩnh vực khoa học, mỗi SV có những luận điểm, căn cứ, góc độ tiếp cận đánh giá không giống nhau khi nhìn nhận một vấn đề. Vì vậy, trong một NCKH, sự thống nhất cao khi đi đến kết luận cuối cùng là rất cần thiết, thể hiện chân lí khoa học, trí tuệ của SV, khả năng, trình độ của giảng viên hướng dẫn.

6. NCKH giúp hình thành năng lực trình bày quan điểm, kết quả NC, tư duy phê phán, bản lĩnh khoa học bảo vệ, độc lập cho SV

Kết quả NC có thể được trình bày dưới dạng bài viết khoa học, tổng luận khoa học, tác phẩm khoa học nhằm nhiều mục đích như công bố một ý tưởng khoa học, hoặc cung cấp thông tin tóm tắt về hoạt động và thành tựu.

Người thuyết trình luôn phải lưu ý rằng, mỗi bản thuyết trình phải trả lời được câu hỏi: tác giả định chứng minh điều gì?, chứng minh bằng cách nào, bằng những luận cứ nào. Bản thuyết trình phong phú nhờ luận cứ. Người NC càng đưa được nhiều luận cứ thì luận điểm càng có sức thuyết phục [3; tr 106].

Bên cạnh việc trang bị những nội dung về kĩ năng NC, người NC cần được trang bị những kiến thức về đạo đức khoa học, đó là tính trung thực với bản thân và trung thực với tài sản khoa học chung của cộng đồng, đạo đức trong sử dụng kết quả NC [3; tr 133].

Các hoạt động NCKH của SV ở trường ĐH được tổ chức, tiến hành đồng thời với các hoạt động học tập, dưới nhiều hình thức thực hiện các công trình NCKH, các hội nghị, hội thảo khoa học, viết sáng kiến kinh nghiệm, viết bài cho các tập san khoa học của trường và của ngành, làm tiểu luận, khoá luận, luận văn... Điều này giúp SV rèn luyện khả năng thuyết trình, báo cáo sản phẩm NCKH của mình

trước đông người để bảo vệ ý kiến, quan điểm của mình cũng như sản phẩm khoa học đã thực hiện trong nhà trường.

7. Hướng dẫn SV NCKH giúp giảng viên nâng cao chất lượng giảng dạy trong các trường ĐH

NCKH giúp SV phát triển khả năng sáng tạo, hình thành các kĩ năng, phương pháp tư duy tích cực, chủ động cho SV trong quá trình học tập trong nhà trường, nâng cao chất lượng ĐT nguồn nhân lực trình độ cao, phát hiện và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước. Mặt khác, còn phát huy tính năng động, sáng tạo, khả năng NCKH độc lập của người học, hình thành năng lực cho người học.

Đồng thời, chất lượng ĐT luôn đi đôi và gắn liền với hoạt động NCKH của cả giảng viên và SV. Qua việc hướng dẫn SV NCKH, giảng viên tự hoàn thiện kiến thức chuyên môn của mình, nâng cao năng lực, trình độ, phương pháp NC để đáp ứng tốt nhu cầu của người học và của xã hội hiện nay. Kết hợp giảng dạy với hướng dẫn NCKH cho SV giúp giảng viên và gắn bó hơn với SV; như vậy, quá trình trao đổi và truyền đạt kiến thức mới từ giảng viên đến SV chắc chắn sẽ đạt chất lượng và hiệu quả cao hơn.

NCKH của SV là một hoạt động có rất nhiều ý nghĩa. Tham gia NCKH là cơ hội cho SV tự bồi dưỡng kiến thức, khả năng NCKH độc lập, đặc biệt là hình

thành năng lực NC và kĩ năng giải quyết vấn đề trong thực tế.

Nâng cao chất lượng NCKH cho SV là một trong những giải pháp quan trọng để nâng cao chất lượng ĐT của các trường ĐH. NCKH và học tập là hai nhiệm vụ chính của SV ĐH. NCKH không chỉ là một chức năng của trường ĐH, mà còn là điều kiện đảm bảo nâng cao chất lượng ĐT. Vì vậy, việc quản lí chặt chẽ hoạt động NCKH có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Quản lí hoạt động NCKH nói chung và quản lí hoạt động NCKH của SV trong các trường ĐH nói riêng là một nhiệm vụ cấp thiết hiện nay. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Thủ tướng Chính phủ (2014). *Điều lệ trường đại học*. Mục 4, Điều 54 (ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ).
- [2] Quốc hội (2012). *Luật Giáo dục đại học*. Mục 2, Điều 39.
- [3] Vũ Cao Đàm (2011). *Giáo trình phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [4] Võ Xuân Đàn (2003). *Hãy coi nghiên cứu khoa học như một phương pháp đào tạo đại học*. NXB Giáo dục.
- [5] Trần Thị Ninh Giang (chủ nhiệm đề tài) (2005). *Thực trạng và giải pháp cải tiến công tác quản lí hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các trường đại học*. Đề tài mã số B2003-52-31. Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục.

Một số giải pháp quản lí...

(Tiếp theo trang 36)

tư duy sáng tạo; + Kĩ năng nghề nghiệp; + Kĩ năng cứng và kĩ năng mềm...

- *Kiểm tra, đánh giá về thái độ* (phẩm chất đạo đức): + Phẩm chất đạo đức cá nhân; + Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; + Phẩm chất đạo đức xã hội.

Sự thay đổi trong kiểm tra, đánh giá theo CĐR tạo ra sự khác biệt so với cách kiểm tra, đánh giá truyền thống. Chỉ có như vậy mới có thể đánh giá được năng lực thực sự của người học.

Đào tạo theo CĐR là chủ trương đúng đắn của Bộ GD-ĐT trong đảm bảo chất lượng giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu xã hội. Nhưng hiện nay, vấn đề này vẫn còn bất cập, ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả đào tạo theo CĐR. Để thay đổi tất cả các điều đó, cần phải thay đổi từ tư duy, cách làm trong quá trình đào tạo theo CĐR; cần có các giải pháp khoa học để QL hiệu quả quá trình đào tạo theo CĐR. Những giải pháp trên nằm trong một hệ thống logic các thành tố, các bước

thực hiện cơ bản của quá trình đào tạo theo CĐR hiện nay. Mỗi giải pháp có vai trò, vị trí nhất định trong quá trình đào tạo, nên cần được tiến hành đồng bộ, cụ thể và khoa học trong các bước của quá trình đào tạo. Trong quá trình vận hành cũng phải được đánh giá đầy đủ các thông tin phản hồi để kịp thời cải tiến và thay đổi phù hợp, đảm bảo đào tạo gắn với nhu cầu xã hội. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Ngô Văn Khánh (2016). *Xây dựng chuẩn đầu ra đáp ứng yêu cầu xã hội*. Tạp chí Giáo dục và Xã hội, số 68 (129), tr 43.
- [2] Vũ Anh Dũng - Phùng Xuân Nhạ (2010). *Tích hợp chuẩn đầu ra theo tiếp cận CDIO vào đề cương môn học trong khung chương trình đào tạo*. Kỉ yếu hội thảo quốc tế về CDIO. Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
- [3] Đoàn Thị Minh Trinh - Nguyễn Hội Nghĩa (2014). *Hướng dẫn thiết kế và phát triển chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra*. NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
- [4] Jay Moskowitz - Maria Stephens (2004). *Comparing learning outcomes*. Routledge.
- [5] Dolores B. Lindsey - Randall B. Lindsey - Shirley M. Hord - Valerie von Frank (2015). *Reach the highest standard in professional learning: Outcomes*. Corwin/Ajoint Publication.